TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VX** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HSST
Ngày 18 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VX, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Bùi Văn Giang.**

2. Ông **Đỗ Duy Toàn.**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Huy** - Thư ký Toà án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà **Lý Hồng Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã QN,huyện VX, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2017/HSST, ngày 07/7/2017 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn T: Sinh năm: 1996 tại huyện VX, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn NC, xã QN,huyện VX, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: V Nam; Tôn giáo không; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông: Đặng Văn C và bà: Lý Thị G; Vợ, con: Chưa có; Anh chị em ruột: Bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 02 chị em ruột

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: Bản án số 44/2014/HSST ngày 30/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện VX xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị can đã chấp hành xong hình phạt từ ngày 16/4/2015 nhưng chưa được xóa án tích; Bản án số 01/2017/HSST ngày 13/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện VX xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang (Có mặt).

2. Phàn Văn D: Sinh năm: 1998 tại huyện VX, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn BC, xã QN,huyện VX, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông: Phàn Văn B và bà: Đặng Thị N; Vợ, con: Chưa có; Anh chị em ruột: Bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 02 chị em ruột; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 15/LCĐKNCT ngày 18/4/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện VX. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt).

3. Lý Văn B: Sinh năm: 1996 tại huyện VX, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn NC, xã QN,huyện VX, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông: Lý Văn H và bà: Lý Thị Â; Vợ, con: Chưa có; Anh chị em ruột: Bị cáo là con thứ 04 trong gia đình có 04 anh, chị em ruột; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang chấp hành Quyết định về việc cho bảo lĩnh số: 06/QĐ-KSĐT ngày 29/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện VX. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt).

Người bào chữa bị cáo Phàn Văn D là: Bà **Nguyễn Thị Thanh H**- Sinh năm: 1989; Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang (Có mặt).

Người bị hại:

1. Anh **Chương Văn B** - Sinh năm: 1998; Địa chỉ: Thôn NT, xã QN,huyện VX, tỉnh Hà Giang (Có mặt).
2. Anh **Đặng Văn C** - Sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn NC, xã QN,huyện VX, tỉnh Hà Giang (Có mặt).
3. Anh **Giàng A L**- Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn NS,xã BN, huyện VX, tỉnh Hà Giang (Có mặt).
4. Anh **Đặng Văn C**- Sinh năm: 1963; Địa chỉ: Thôn NC, xã QN,huyện VX, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:**

1. Anh **Giàng A C**- Sinh năm: 1999; Địa chỉ: Thôn NS, xã BN, huyện VX, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Anh **Phạm Quang T**- Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
3. Anh **Trương Xuân V**- Sinh năm: 1997; Nơi ĐKHKTT: xã ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh VP; Chỗ ở hiện nay: Tổ 01, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang (Có mặt).
4. Anh **Đặng Chòi G** - Sinh năm: 1999; Địa chỉ: Thôn LV, xã TS, huyện VX, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
5. Anh **Vũ Văn H** - Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn VL, huyện VX, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
6. Chị **Đặng Thị N** - Sinh năm: 1972; Địa chỉ: Thôn BC, xã QN,huyện VX, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Đặng Văn T, Phàn Văn D, Lý Văn B bị Viện kiểm sát nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 13/3/2017, Đặng Văn T, sinh năm 1996, trú tại thôn NC, xã QN, huyện VX, tỉnh Hà Giang đi bộ từ quán điện tử SUNNETS

thuộc tổ 11, thị trấn VX về phòng trọ ở thôn ĐC, thị trấn VX để ngủ. Khi đi qua khu vực Trường trung tâm giáo dục thường xuyên huyện VX thấy có 01 chiếc xe mô tô màu đen – bạc, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, biển kiểm soát 23H1 – 107.11 của Giàng A C, sinh năm 1999, trú tại thôn NS,xã BN, huyện VX (*là học sinh Trường trung tâm giáo dục thường xuyên huyện VX*) dựng ở sân trường (*xe C mượn của anh trai là Giàng A L*). Lúc này T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do còn sớm nên T quay lại quán điện tử SUNNETS chơi đợi muộn vắng vẻ sẽ quay lại trộm cắp xe. Khoảng 03 giờ cùng ngày T đi bộ đến Trường trung tâm giáo dục thường xuyên, quan sát thấy cổng không khóa chỉ khép hờ, không có người trông coi, T đến chỗ để xe và lấy chiếc chìa khóa V Tiệp ở trong túi quần ra (*Chiếc chìa khóa này là chìa khóa hòm T để trong túi quần từ trước*), T cắm chìa khóa vào ổ điện mở được khóa và dắt xe ra ngoài cách trường khoảng 50m, T nổ máy điều khiển xe mô tô đi xuống VL đợi trời sáng mang xe đi tiêu thụ. Khoảng 06 giờ sáng cùng ngày T lấy chìa khóa V Tiệp mở cốp xe vừa trộm cắp được thấy trong cốp xe có 01 đăng ký xe mang tên Giàng A L, 01 chứng minh nhân dân mang tên Giàng A C. Sau đó T điều khiển xe quay lại thị trấn VX để tìm chỗ bán xe, trên đường đi T vứt chiếc chìa khóa V Tiệp và chứng minh nhân dân mang tên Giàng A Cđi để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng (*T không xác định được vị trí*). Khoảng 07 giờ cùng ngày T điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đến quán sửa xe của Phạm Quang T, sinh năm 1991, trú tại tổ 10, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang bán cho T với giá 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Khi bán xe T hỏi T " *Có phải xe trộm cắp không*", T trả lời " *Không phải, xe em mua được gần 01 tháng chưa kịp sang tên đổi chủ*". Do quen biết T từ trước nên T tin tưởng mua xe của T. Sau khi mua xe xong T điều khiển xe mô tô vừa mua được lên chợ trung tâm thị trấn VX thì gặp Giàng A C là người bị mất trộm xe đang đi tìm xe. C phát hiện chiếc xe mô tô T đang điều khiển là xe của C vừa bị mất trộm nên yêu cầu T trả xe cho C. Lúc này T mới biết chiếc xe mình vừa mua là xe T trộm cắp. T chở C về quán sửa xe nhà mình và đi tìm T. Trên đường đi T thấy T đang ngồi trên xe khách (*T không nhớ biển kiểm soát và đặc điểm của xe*). T vẫy xe và yêu cầu T về quán sửa xe nhà mình để giải quyết. Tại đây T thừa nhận đã trộm cắp chiếc xe mô tô nêu trên và hoàn trả cho T số tiền 3.480.000đ (*Ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*), còn 20.000đ (*Hai mươi nghìn đồng*) T đã trả tiền cước xe khách. Sau đó T báo cho lực lượng chức năng đến làm việc.

Quá trình điều tra T khai nhận trong tháng 02 và tháng 3 năm 2017, T còn thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ, đầu tháng 02 năm 2017 (*không nhớ ngày*), T về nhà ở thôn NC, xã QN, huyện VX thấy không có ai ở nhà, T phát hiện có 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23H1 – 056.03 của ông Đặng Văn C (*bố đẻ T*), sinh năm 1970, trú tại thôn NC, xã QN dựng cách nhà khoảng 04 mét. Lúc này T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T vào nhà thấy chìa khóa xe máy ở lọ đựng tăm, sau đó lấy đăng ký xe ở lọ đựng chè ra cắm chìa khóa nổ máy xe rồi điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đến cầm cố

cho Đặng Chòi G, sinh năm 1999, trú tại thôn LV, xã TS, huyện VX với giá là 1.100.000đ (*Một triệu một trăm nghìn đồng*). Đến ngày 02/3/2017, T tiếp tục lấy chỗ G thêm 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền cầm cố xe. Ngày 06/3/2017 T lấy thêm của G 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) tiền cầm cố xe. Tổng số tiền T cầm cố xe cho G là 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*).

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 27/02/2017 T đến quán điện tử SUNNET chơi thì gặp Phàn Văn D, sinh năm 1998, trú tại thôn BC, xã QN,huyện VX, tỉnh Hà Giang. Do không có tiền tiêu xài nên T rủ D đi trộm cắp tài sản. Tại quán SUNNET T nói với D là " *Đi làm một vụ đi*", D hiểu là đi trộm cắp tài sản nên đồng ý. T nhờ Đặng Văn H, sinh năm 1999, trú tại thôn NS,xã BN, huyện VX, tỉnh Hà Giang (*đang chơi điện tử ở quán SUNNET là bạn của T)* dùng xe mô tô biển kiểm soát 23B1 - 288.67 của H chở T và D từ quán SUNNET về xã QN. Khi đi qua UBND xã QN được khoảng 01km, T và D xuống xe còn H điều khiển xe mô tô đi về nhà. T và D đi bộ đến thôn NT, xã QN mục đích để tìm kiếm xem có gì sơ hở để trộm cắp. Khoảng 02 giờ ngày 28/02/2017 T và D phát hiện có 01 chiếc xe mô tô màu nâu, nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 23H1 – 001.02 của Chương Văn B, sinh năm 1998, trú tại thôn NT, xã QN đang để ở sân cạnh bể nước nhà B. Lúc này T đi vào quan sát xung quanh không có người trông coi, sau đó ra bảo D vào dắt xe mô tô, còn T đứng ngoài canh gác. D dắt xe ra rồi cả hai thả xe trôi dốc khoảng 100m, thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe, T nổ máy điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được chở D ngồi sau đi lên thị trấn VX. Sau đó T vào quán điện tử SUNNET chơi, còn D điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đến phòng trọ của Hà Văn A, sinh năm 1983, trú tại xã Mai Sơn, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh B (*đang tạm trú tại tổ 17, thị trấn VX làm thợ xây*) để ngủ (*D đang làm thuê phụ xây cho An*). Khoảng 06 giờ cùng ngày D điều khiển xe mô tô trộm cắp quay lại quán điện tử SUNNET để gặp T. Tại đây T và D gặp Lý Văn B, sinh năm 1996, trú tại thôn NT, xã QN,huyện VX (*là bạn của T)*. Lúc này T hỏi B " *Có chỗ nào bán xe không có giấy tờ không*", B trả lời " *Có*", B hỏi D "*Xe lấy ở đâu*", D trả lời " *Xe trộm cắp*", B định mua chiếc xe này nhưng T can ngăn " *Đừng mua, xe trộm cắp ở QNđấy*". Thấy T nói xe trộm cắp nên B không mua nữa. Sau đó B cùng D mang chiếc xe trộm cắp đến bán cho Trương Xuân V, sinh năm 1997, trú tại Xã ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh VP là chủ cửa hàng sửa chữa xe máy (*Đang tạm trú tại tổ 01 thị trấn VX*) với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Sau khi bán xe xong D và B ra khu vực sân vận động huyện VX nơi T đang đợi. Tại đây D chia cho B 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), chia T 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), D giữ lại 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền này T, D, B đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 14 giờ, đầu tháng 3 năm 2017 (*không nhớ ngày*), T về nhà ở thôn NC, xã QN, huyện VX thấy 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23H5 - 7158 của ông Đặng Văn C, sinh năm 1963, trú tại thôn NC, xã QN(*Là bác của T, chiếc xe này ông Đặng Văn C (bố T) mượn để sử dụng*) đang dựng ở thôn NC (*gần nhà T*). T quan sát thấy không có người trông coi, lúc này T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T về nhà lấy chìa khóa xe để

trong lọ đựng tăm ra mở ổ điện rồi điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được ra quán điện tử của Vũ Văn H, sinh năm 1992, trú tại tổ 10, thị trấn VL. Do T còn nợ Hậu 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) từ trước nên T để lại xe mô tô vừa trộm cắp được cho Hậu và hẹn khi nào có tiền sẽ đến chuộc xe.

Tại Kết luận định giá tài sản hồi 15 giờ 00 phút, ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện VX định giá: 01 xe mô tô màu nâu, nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 23H1 - 001.02 có giá trị là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*); 01 chiếc xe mô tô màu đen - bạc, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, biển kiểm soát 23H1 - 107.11 có giá trị là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Tổng giá trị của 02 chiếc xe trên là 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*).

Tại Kết luận định giá tài sản hồi 15 giờ 30 phút, ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện VX định giá: 01 xe mô tô màu nâu, nhãn hiệu DREAM, biển kiểm soát 23H1 – 056.03 có giá trị là 3.800.000đ (*Ba triệu tám trăm nghìn đồng*); 01 chiếc xe mô tô màu nâu, nhãn hiệu DAEHAN, biển kiểm soát 23H5 - 7158 có giá trị là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Tổng giá trị của 02 chiếc xe trên là 5.300.000đ (*Năm triệu ba trăm nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 07/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Đặng Văn T và Phàn Văn Dvề tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, bị cáo Lý Văn B về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án từ bút lục 190 đến 233, lời khai người bị hại từ bút lục 234 đến 252, lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng từ bút lục 253 đến 281, ngoài ra còn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi xem xét, đánh giá chứng cứ, kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Đặng Văn T và Phàn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; bị cáo Lý Văn B phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 16 tháng đến 18 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điều 53; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS xử phạt bị cáo Phàn Văn D từ 7 tháng đến 9 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng; Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS xử phạt bị cáo Lý Văn B từ 6 tháng đến 8 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 587; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bà Đặng Thị N là mẹ của bị cáo Phàn Văn D, bà Nghiên đã bồi thường cho bị hại Chương Văn B số tiền là 10.000.000đ.

Bị cáo T bồi thường cho anh Đặng Chòi G 1.800.000đ.

Bị cáo T, D, B phải liên đới bồi thường cho anh Trương Xuân V số tiền là 3.000.000đ, trong đó bị cáo T phải chịu 1.000.000đ; bị cáo D phải chịu 1.500.000đ; bị cáo B phải chịu 500.000đ.

Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, bị cáo Đặng Văn T bồi thường số tiền 2.000.000đ cho anh Giàng A L.

Về vật chứng: Những xe máy mà các bị cáo trộm cắp và tiêu thụ cơ quan CSĐT công an huyện VX đã xử lý trả lại cho các bị hại, việc trả lại vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phàn Văn D trình bày quan điểm: Quá trình vụ án xảy ra đã được cơ quan điều tra làm rõ, thể hiện tính hợp pháp và tính khách quan, tại phiên tòa qua phần thẩm vấn công khai, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội của bị cáo còn phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ yếu tố cấu T tội "trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, nên việc bị truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; Và đưa ra một số quan điểm để xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Sau khi phạm tội gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Chương Văn B số tiền 10.000.000đ.

- Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã T khẩn khai báo, năn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

- Bị cáo là người dân tộc, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, có nơi thường trú rõ ràng, gia đình bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Từ lập luận trên đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Về tội danh Áp dụng Điều 138 Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo Phàn Văn Dphạm tội trộm cắp tài sản.

+ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 587, 589 Bộ luật dân sự bị cáo Phàn Văn D chỉ có trách nhiệm hoàn trả tài sản mà bị cáo đã gây thiệt hại là 1.500.000.000đ cho anh Trương Xuân V.

Trên đây là quan điểm của tôi về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo **Phàn Văn D**. Kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để đưa ra một bản án công minh và cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật,

để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, phát triển lành mạnh trở T công dân có ích cho xã hội.

Tại phần tranh luận, người bào chữa, các bị cáo nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận thêm, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận gì.

Về tính hợp pháp các bước tố tụng và áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố đều đảm bảo tính hợp pháp, khách quan đúng trình tự, đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan, không có khiếu nại quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền T hành tố tụng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ đã thu thập được, như chính lời khai của các bị cáo, lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng vụ án, kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã xác định tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 19.300.000đ. Như vậy đã có đủ cơ sở để khẳng định việc truy tố và xét xử các bị cáo Đặng Văn T, Phàn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; bị cáo Lý Văn B về tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 138 quy định: Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Khoản 1 Điều 250 quy định: Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đếna ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đối với các bị cáo Đặng Văn T, Phàn Văn D đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, đối với bị cáo Lý Văn B đã trực tiếp xâm hại trật tự công cộng, trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, gây trở ngại lớn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự, tạo điều kiện khuyến khích những kẻ khác đi vào con đường phạm tội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có hiểu biết xã hội, có nhận thức nhất định về

pháp luật, nhưng chỉ vì ham chơi lười lao động, muốn hưởng thụ trên T quả lao động của người khác, muốn có tiền để chi tiêu chơi bời cho thỏa mãn nên đã nảy sinh việc trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây thiệt hại tài sản cho gia đình bị hại, gây mất trật tự trị an, gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, gây lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Xét tính chất, mức độ, vai trò, hành vi nguy hiểm của từng bị cáo thấy rằng:

Trong vụ án này có đồng phạm, đối với bị cáo Đặng Văn T là người cầm đầu trực tiếp thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản và rủ rê, khởi sướng bị cáo Phàn Văn Dtrộm cắp tài sản 01 vụ, tổng cộng T tham gia 04 vụ trộm cắp tài sản là xe máy để mang đi tiêu thụ, bi cáo có nhân thân xấu năm 2014 bị Tòa án huyện VX kết án 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, năm 2017 bị Tòa án huyện VX kết án 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bản án chưa có hiệu lực pháp luật thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện trộm cắp tài sản trong vụ án này, vậy lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, như vậy bị cáo phạm tội nhiều lần, tái phạm đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, nên cần phải có mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong qua trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T khẩn khai báo, tỏ ra biết ăn năn hối cải, sống ở vùng sâu xa, vùng kinh tế khó khăn, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho bị cáo, do bị cáo đang phải chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS để tổng hợp hình phạt của 2 bản án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Đối với bị cáo Phàn Văn D khi được bị cáo T rủ rê trộm cắp tài sản thì bị cáo cũng tham gia tích cực và trực tiếp mang tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ và sử dụng phần lớn số tiền do bán tài sản trộm cắp mà có, vậy cần phải có một mức án đủ nghiêm mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo trở T công dân tốt có ích cho xã hội. Tuy nhiên trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo T khẩn, tỏ ra biết ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sống ở vùng sâu xa, vùng kinh tế khó khăn, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại Chương Văn B, người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, có nơi thường trú rõ ràng, trước khi thực hiện hành vi phạm tội luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, vậy cần áp các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, xét không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội chỉ cần bắt bị cáo tự cải tạo tại địa phương và chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự, như vậy cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở T công dân tốt.

Đối với bị cáo Lý Văn B sau khi bị cáo T, bị cáo D trộm cắp tài sản là chiếc xe máy bản thân bị cáo biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng bị cáo đã cùng với bị cáo D mang tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ để lấy tiền chia nhau tiêu sài, vậy cần phải có một mức án đủ nghiêm mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo trở T công dân tốt có ích cho xã hội. Tuy nhiên trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo T khẩn, tỏ ra biết ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sống ở vùng sâu xa, vùng kinh tế khó khăn, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú, có nơi thường trú rõ ràng, trước khi thực hiện hành vi phạm tội luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, vậy cần áp các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, xét không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội chỉ cần bắt bị cáo tự cải tạo tại địa phương và chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự, như vậy cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở T công dân tốt.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi các bị cáo T, D, B trộm cắp, tiêu thụ tài sản xe máy của các bị hại Giàng A L, Đặng Văn C, Đặng Văn C, Chương Văn B, các bị hại đã nhận lại tài sản, đối với Giàng A L yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thiệt hại là 2.000.000đ do khoảng thời gian không có xe để đi lại lao động, đối với Chương Văn B sau khi bị các bị cáo trộm cắp xe cơ quan điều tra công an huyện VX đã trả lại tài sản nhưng gia đình bị cáo D đã tự nG bồi thường cho anh B số tiền 10.000.000đ do thiệt hại trong khoảng thời gian không có xe đi làm ăn.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Quang T, Giàng A C không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường, anh Đặng Chòi G yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả số tiền là 1.800.000đ, anh Trương Xuân V yêu cầu các bị cáo T, D, B phải hoàn trả số tiền là 3.000.000đ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với một số bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên cần chấp nhận, anh Giàng A L yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại số tiền là 2.000.000đ do thời gian bị mất xe không có xe để đi lại lao động tại phiên tòa hôm nay bị cáo T nhất trí bồi thường thiệt hại cho anh Lềnh là 2.000.000đ do hai bên tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật vậy cần chấp nhận; Đối với anh Chương Văn B có yêu cầu bồi thường thiệt hại và gia đình bị cáo D đã tự nguyện bồi thường 10.000.000đ *(có biên bản giao nhận tiền bồi thường xong ngày 11/5/2017)* xét thấy việc thỏa thuận bồi thường giữa gia đình bị cáo D và anh B là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận; Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đặng Chòi G yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 1.800.000đ do đã bỏ ra mua xe máy bị cáo T trộm cắp, số tiền này bị cáo T đã chi tiêu hết do vậy cần buộc bị cáo T hoàn trả cho anh G số tiền 1.800.000đ là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định của pháp luật; Đối với anh Trương Xuân Vyêu cầu các bị cáo T, D, B phải trả số tiền 3.000.000đ do đã bỏ ra mua xe máy của các bị cáo T, D trộm cắp, số tiền này bị cáo T, D, B đã chia nhau chi tiêu hết do vậy cần buộc các bị cáo T, D, B phải

liên đới bồi thường số tiền 3.000.000đ cho anh V là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Về vật chứng vụ án: Tài sản các bị cáo trộm cắp là 04 chiếc xe máy cơ quan CSĐT công an huyện VX đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại toàn bộ tài sản cho các bị hại, xét thấy việc xử lý vật chứng là đúng quy định của pháp luật, do vậy HĐXX không xem xét, đề cập.

Trong vụ án này có anh Phạm Quang T, Đặng Chòi G, Trương Xuân V là những người đã mua và cầm cố tài sản do bị cáo T, D trộm cắp mà có, tuy nhiên quá trình mua bán, cầm cố anh T, anh G, anh V ngay thẳng không biết tài sản do trộm cắp mà có, do vậy Cơ quan điều tra công an huyện VX không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp, có căn cứ nên HĐXX không đề cập; Đối với anh Vũ Văn H là người đã giữ lại chiếc xe do bị cáo T trộm cắp lý do bị cáo T còn nợ anh Hậu 1.000.000đ khi nào T có Tiền trả sẽ đến chuộc lại xe, khi giữ xe anh Hậu cũng không biết xe máy do T trộm cắp mà có, bản thân anh Hậu và bị cáo T cũng không giao dịch mua bán, hoặc chứa chấp tài sản do trộm cắp mà có do vậy cơ quan CSĐT công an huyện VX không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Hậu là phù hợp, nên HĐXX không đề cập.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Tuyên bố:** Các bị cáo Đặng Văn T và Phàn Văn D phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; Bị cáo Lý Văn B phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

*** Hình phạt:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 16 (mười sáu) tháng tù, tổng hợp với 10 (mười) tháng tù tại bản án số: 01/2017/HSST ngày 13/01/2017 của Tòa án nhân huyện VX, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 26 (hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/3/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điều 53; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phàn Văn D07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bi cáo Lý Văn B 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phàn Văn D, Lý Văn B cho UBND xã QN, huyện VX, tỉnh Hà Giang nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 587; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Đặng Văn T phải bồi thường cho anh Đặng Chòi G trú tại: thôn LV, xã TS, huyện VX, tỉnh HÀ GIANG số tiền là: 1.800.000đ *(một triệu tám trăm nghìn đồng)*, bị cáo Đặng Văn T bồi thường cho anh Giàng A Ltrú tại: thôn NS,xã BN, huyện VX, tỉnh HÀ GIANG số tiền là 2.000.000đ *(hai triệu đồng);* Buộc các bị cáo Đặng Văn T, Phàn Văn D, Lý Văn B phải liên đới bồi thường cho anh Trương Xuân V trú tại: tổ 01, thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang số tiền là 3.000.000đ *(ba triệu đồng),* trong đó bị cáo Đặng Văn T phải bồi thường 1.000.000đ, bị cáo Phàn Văn D phải bồi thường 1.500.000đ, bị cáo Lý Văn B phải bồi thường 500.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, và có đơn yêu cầu thi hành án nếu các bị cáo không thi hành khoản tiền phải trả cho anh Đặng Chòi G, anh Trương Xuân V, anh Giàng A L thì hàng tháng các bị cáo phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp. quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Đặng Văn T, Phàn Văn D, Lý Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo Đặng Văn T, Phàn Văn D, Lý Văn B mỗi bị cáo phải chịu thêm 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu hai khoản án phí là 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng).*

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Minh Phương

Nơi nhận:
- *VKSND huyện VX;*
- *Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang;*
- *Công an huyện VX;*
- *Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện VX;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện VX;*
- *Các bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Người có QL và NV liên quan;*
- *Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;*
- *UBND xã QN;*
- *Lưu HSVA, HSTHA, VP.*